

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-11-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn.

2. Ông Trương Phước Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 597/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 538/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Võ Thị Mỹ X, sinh năm: 1988. (có mặt).

Bị đơn: ông Nguyễn Phát H, sinh năm: 1981. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 198, ấp K, xã Kiến T, huyện C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm: 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: số 34, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ X trình bày: bà và ông H do mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 2007, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng chỉ ăn chơi, không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, bà có khuyên nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay bà yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 17/4/2008; Nguyễn Phát T, sinh ngày 20/3/2012 hiện do bà nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: do có mối quan hệ bà con ruột nên trong quá trình chung sống vợ chồng có làm ăn kinh doanh tiệm cầm đồ. Vào năm 2017 bà có hỏi vay bà C số tiền 400.000.000 đồng, việc vay tiền bà là người trực tiếp nhận tiền tại nhà bà C, sau khi nhận tiền bà có nói với ông H, ông H biết và đồng ý. Sự việc làm ăn của gia đình chủ yếu là do bà phụ trách. Sau đó đã trả dần cho bà C, hiện nay còn nợ bà C số tiền 280.000.000 đồng, do vợ chồng làm ăn thất bại không còn khả năng thanh toán, xin được trả dần cho bà C mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Do bà hỏi vay tiền của bà C để làm ăn sinh hoạt trong gia đình nên bà đồng ý cùng ông H liên đới trả cho bà C số tiền 280.000.000 đồng. Từ ngày 19/6/2018 đến nay bà không đóng lãi cho bà C, nay do điều kiện khó khăn bà xin không trả tiền lãi cho bà C. Số tiền lãi bà đã đóng cho bà C trước đây bà không có yêu cầu Tòa án xem xét.

- Bị đơn ông Nguyễn Phát H dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải mà vắng mặt không rõ lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của ông H đối với yêu cầu khởi kiện của bà X, yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ C trình bày: do có mối quan hệ bà con ruột, nên vào năm 2017 bà có cho bà X hỏi vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 8.000.000 đồng/400.000.000 đồng/tháng. Bà X đóng lãi được 07 tháng rồi không đóng lãi nữa. Sau đó bà X có xin không trả lãi, bà đồng ý và nhận tiền vốn, bà X trả được 120.000.000 đồng tiền vốn, hiện bà X còn nợ số tiền 280.000.000 đồng. Sự việc vay tiền này chồng bà X là ông H không trực tiếp nhận tiền nhưng bà X làm ăn sinh hoạt, chi phí trong gia đình, bà X mở tiệm cầm đồ tại nhà vợ chồng cùng làm. Bà có tìm gặp ông H để yêu cầu lấy lại phần vốn, ông H cũng thừa nhận có nợ bà số tiền trên và thống nhất vợ chồng ông nợ bà số tiền này để kinh doanh tiệm cầm đồ. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà X, ông H cùng liên đới trả tôi số tiền 280.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 19/6/2018 đến ngày xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ X, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn.

+ Đối với bị đơn: Ông Nguyễn Phát H, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 27, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, xem xét quyết định.

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mỹ X đối với ông Nguyễn Phát H.

- Bà Võ Thị Mỹ X được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thị Kim Hương, sinh ngày 17/4/2008 và Nguyễn Phát Triển, sinh ngày 20/3/2012, ông Nguyễn Phát H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Mỹ C với bà Võ Thị Mỹ X.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Mỹ C.

- Buộc bà Võ Thị Mỹ X và ông Nguyễn Phát H liên đới trả bà Nguyễn Thị Mỹ C số tiền 280.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 19/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Võ Thị Mỹ X yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phát H. Ông H có nơi cư trú tại ấp K, xã Kiến T, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Phát H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị Mỹ X và ông Nguyễn Phát H xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do tính tình không phù hợp, ông H không quan tâm gia đình, cả hai nhiều lần hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn giữa ông, bà kéo dài, ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà X xác định không còn tình cảm với ông H, nếu tiếp tục chung sống với ông H thì không còn hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà X cũng như không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản xác minh ngày 13/9/2019 xác định bà X và ông H không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà X và ông H là trầm trọng, không thể tiếp tục, cả hai không muốn hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 17/4/2008; Nguyễn Phát T, sinh ngày 20/3/2012 hiện đang sống với bà X. Sau khi ly hôn, bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trong thời gian các cháu sống với bà X, các cháu được chăm sóc, giáo dục tốt, ổn định về chỗ ở, tâm tư, tình cảm của các cháu gắn liền với mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án ông H cũng không có ý kiến đối với quyền nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, tại các biên bản ghi ý kiến ngày 31/7/2019, cháu Hương, cháu Triển có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do bà X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: ghi nhận ý kiến của bà X trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C trình bày trước đây có cho vợ chồng bà X, ông H vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 8.000.000 đồng/tháng, đóng lãi được 07 tháng và trả vốn được 120.000.000 đồng thì ngưng không tiếp tục trả, còn lại 280.000.000 đồng bà X có ký biên nhận ngày 19/6/2018 cam kết trả số tiền trên nhưng không trả. Nay bà C yêu cầu bà X, ông H liên đới trả số tiền còn nợ 280.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 19/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án bà X cũng thừa nhận còn nợ số tiền trên và việc vay tiền của bà C nhằm mục đích mở tiệm cầm đồ chung của vợ chồng và phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu trong gia đình.

Bà C, bà X đều xác định mặc dù ông H không trực tiếp vay tiền, nhận tiền và ký tên vào biên nhận ngày 19/6/2018 nhưng ông H biết và đồng ý với bà X về việc vay tiền. Xét thấy hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên đây là hợp đồng hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Việc bà X tham gia vào hợp đồng vay tài sản và ông H tuy không ký tên nhưng ông H biết và đồng ý, hợp đồng vay này được xác lập trong thời kỳ hôn nhân, nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch được xác lập theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc bà X, ông H vi phạm nghĩa trả nợ như đã thỏa thuận nên phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền trên.

Bà C yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 19/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy do bà X, ông H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền nợ gốc chậm thanh toán. Như vậy, tiền lãi phát sinh từ ngày 19/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/11/2019) là $280.000.000 \text{ đồng} \times 0,027778\%/\text{ngày} \times 525 \text{ ngày} = 40.833.333 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu độc lập của bà C. Buộc bà X, ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền 320.833.000 đồng (trong đó, tiền gốc 280.000.000 đồng, tiền lãi 40.833.333 đồng).

[7] Về án phí: bà X, ông H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 27, 37, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Các Điều 28, 35, 144, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ X.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Thị Mỹ X được ly hôn với ông Nguyễn Phát H. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 154, quyển số 01 ngày 12/11/2007 do UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: bà Võ Thị Mỹ X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kim Hương, sinh ngày 17/4/2008 và Nguyễn Phát Triền, sinh ngày 20/3/2012. Ông Nguyễn Phát H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông H thực hiện quyền này

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ C.

Buộc bà Võ Thị Mỹ X và ông Nguyễn Phát H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ C số tiền 320.833.333 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

- Về án phí:

Đối với án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Võ Thị Mỹ X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0013276 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà X đã nộp xong.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Mỹ X và ông Nguyễn Phát H phải liên đới chịu 16.041.667 đồng (*Mười sáu triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Bà Nguyễn Thị Mỹ C được nhận lại 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013497 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Võ Thị Mỹ X, bà Nguyễn Thị Mỹ C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Phát H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên